

Bản án số: 04/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 18/01/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Dương Thị Minh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phạm Văn M1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thành phố C, tỉnh H.

Chị M, anh M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị M và anh M1 kết hôn ngày 12 tháng 4 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T(nay là UBND phường T), thành phố C, tỉnh H. Khi đó chị M 18 tuổi, anh M1 19 tuổi, cả hai đều làm lao động tự do. Anh chị được tự do tìm

hiếu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh M1 ở phường T, thành phố C. Sau khi anh chị chung sống được thời gian, anh M1 đi làm ăn xa, ít về nhà thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M trình bày là do chị ở nhà chăm con, anh M1 không gọi điện hỏi thăm, bỏ bằng chị và không quan tâm gì đến chị cả tình cảm và kinh tế. Vì thế, đầu năm 2018 chị đã đưa con về B sinh sống. Anh M1 cũng không tìm đón hay liên lạc động viên chị về chung sống. Nhiều năm nay, anh chị không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa nên chị đề nghị được ly hôn anh M1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Diệp A, sinh ngày 26/8/2017, hiện đang sinh sống cùng với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Chị hiện đang làm nghề bán hàng quần áo, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng. Chị có thời gian và điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh M1 không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh M1 không có mặt theo giấy triệu tập và không trình bày quan điểm về việc chị M xin ly hôn anh.

Qua xác minh với bà B- Mẹ đẻ anh M1, bà T- trưởng khu dân cư T, phường H xác nhận: Anh M1 và chị M được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh M1 đi làm ăn xa, chị M ở nhà chung sống cùng bố mẹ chồng nhưng chị M lười lao động, chi tiêu sinh hoạt gia đình không hợp lý, khi được nhắc nhở thì chị M tỏ ý khó chịu. Tết năm 2018, chị M đưa con về nhà ngoại sinh sống và từ đó không quay về nhà ông bà nữa, cắt đứt mọi liên lạc với gia đình ông bà. Nay chị M xin ly hôn anh M1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Khi anh chị ly hôn, về con chung của anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật. Nếu sau này chị M đi xây dựng gia đình mới, chị M giao cháu Diệp A cho gia đình ông bà nội thì ông bà nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Gia đình ông bà đã thông báo cho anh M1 về việc chị M xin ly hôn anh tại Tòa án C, anh M1 có trình bày do bận công việc nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Chị M và anh M1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị M được ly hôn với anh Trần Văn M1. Về con chung: Giao con chung là Phạm Diệp A, sinh ngày 26/8/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị M khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn M1 có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn M1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị M vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh M1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Văn M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không thường xuyên sinh sống cùng nhau. Anh M1 đi làm ăn xa, chị M ở nhà chung sống cùng bố mẹ anh M1 nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Kể từ năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn trong gia đình giữa chị M và gia đình anh M1 càng trầm trọng, kéo dài. Chị M bỏ về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Anh M1 bỏ mặc chị M, không hỏi han, thăm gặp hay tìm đón chị về. Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần, anh M1 không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải và không trình bày quan điểm. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị M anh M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận chị M được ly hôn anh M1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng nuôi con của chị M và anh M1 thì thấy:

Cháu Phạm Diệp A, sinh ngày 26/8/2017 hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị M từ trước đến nay và hiện đang theo học tại B. Chị M có việc làm, có thu nhập, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh M1 thường xuyên đi làm xa, gia đình anh Mạnh đề nghị giao cháu Diệp Anh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc tiếp tục giao cháu Phạm Diệp A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự được sự phát triển mọi mặt của cháu, cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị. Về mức cấp dưỡng, chị M tự nguyện không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị M ly hôn anh Phạm Văn M1.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Diệp A, sinh ngày 26/8/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 1/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện chị M không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh M1 có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007321 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường T, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương